

VIỆC LÀM VÀ KỸ NĂNG LAO ĐỘNG TRONG KỶ NGUYÊN CÔNG NGHỆ MỚI: TRƯỜNG HỢP NGÀNH ĐIỆN TỬ VÀ MAY MẶC

Trịnh Thu Nga

Tóm tắt: Nghiên cứu này nhằm xem xét mức độ ứng dụng công nghệ mới và tác động của chúng lên việc làm và nhu cầu kỹ năng lao động trong hai ngành công nghiệp điện tử và may mặc ở Việt Nam, cho thấy: Trình độ công nghệ trong ngành điện tử và dệt may còn thấp và đang trong quá trình đổi mới, cùng với đó là các thay đổi về việc làm và nhu cầu kỹ năng lao động; các thay đổi này đang làm trầm trọng thêm sự thiếu hụt về kỹ năng kỹ thuật và kỹ năng làm việc cốt lõi trong ngành điện tử và may mặc, trong khi khả năng đáp ứng của hệ thống đào tạo và hệ thống thông tin thị trường lao động còn hạn chế; xu hướng ứng dụng công nghệ mới sẽ diễn ra mạnh mẽ và tiếp tục đặt ra yêu cầu cao về sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa kỹ năng kỹ thuật và kỹ năng làm việc cốt lõi. Trên cơ sở đó, nghiên cứu cũng đưa ra một số hàm ý chính sách nhằm chuẩn bị lực lượng lao động có kỹ năng phù hợp cho kỷ nguyên công nghệ mới.

Từ khóa: Việc làm; kỹ năng, lao động; công nghệ mới; điện tử; may mặc.

Mở đầu

Trong vài thập kỷ trở lại đây, các cuộc cách mạng công nghiệp thế giới đã làm thay đổi phương thức sống, cách thức làm việc và thay đổi cách thức tổ chức sản xuất trên bình diện toàn cầu. Công nghệ mới đang và sẽ mang đến những tiến bộ vượt bậc về năng suất và hiệu quả sản xuất và kinh doanh. Đồng thời, công nghệ mới cũng dẫn đến sự dịch chuyển của cầu đối với lao động: Từ các công việc chủ yếu là thủ công và đơn giản sang các công việc yêu cầu kỹ năng và trình độ chuyên môn kỹ thuật (CMKT) cao hơn; từ các công việc truyền thống sang các công việc hiện đại, đòi hỏi những kỹ năng mới; thay thế lao động giản đơn hay trình độ thấp bằng các hệ thống, máy móc tự động hóa. Đây là thách thức lớn đối với những nền kinh tế đang phát triển trong đó có Việt Nam khi mà phân bổ lực lượng lao động (LLLĐ) có chất lượng thấp, chưa qua đào tạo. Họ cần được trang bị kiến thức và kỹ năng lao động phù hợp để thích ứng với sự chuyển đổi và ứng dụng công nghệ mới trong thời gian tới.

Nghiên cứu này tập trung xem xét mức độ ứng dụng công nghệ và tác động của chúng lên việc làm và nhu cầu kỹ năng lao động trong hai ngành công nghiệp điện tử và may mặc. Đây là hai ngành

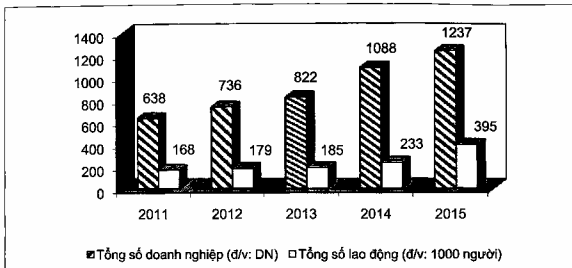
công nghiệp quan trọng nhất đối với nền kinh tế định hướng xuất khẩu của Việt Nam và đây cũng là hai ngành đang phải đối mặt với những thách thức lớn do tác động của cách mạng khoa học công nghệ thế giới.

1. Hiện trạng ứng dụng công nghệ và thay đổi việc làm, kỹ năng lao động trong ngành công nghiệp điện tử và may mặc

1.1. Tổng quan về ngành công nghiệp điện tử và dệt may

Điện tử là ngành công nghiệp quan trọng nhất đối với kinh tế Việt Nam, tăng trưởng nhanh về giá trị sản xuất và đóng góp về kim ngạch xuất khẩu. Tuy nhiên, hiện nay giá trị xuất khẩu chủ yếu nằm ở khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (95% kim ngạch xuất khẩu) với tỷ lệ nội địa hóa sản phẩm còn thấp (dưới 30%) (Lê Thanh Thủy, 2016). Trong vòng 5 năm qua (2011 - 2015), số lượng doanh nghiệp điện tử đã tăng gấp hai lần, đạt 1.237 doanh nghiệp ở năm 2015; lao động trong ngành cũng tăng hơn hai lần, đạt 395.000 người năm 2015, chiếm gần 1% tổng số việc làm của nền kinh tế. Đến năm 2015, ngành điện tử vẫn chủ yếu sử dụng lao động không có chuyên môn kỹ thuật hay lao động có trình độ thấp (không có bằng cấp, chứng chỉ), chiếm 70,87% tổng lao động của ngành.

Đồ thị 1: SỐ LƯỢNG DOANH NGHIỆP CÓ ĐĂNG KÝ SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ SỐ LƯỢNG LAO ĐỘNG TRONG NGÀNH CÔNG NGHIỆP ĐIỆN TỬ

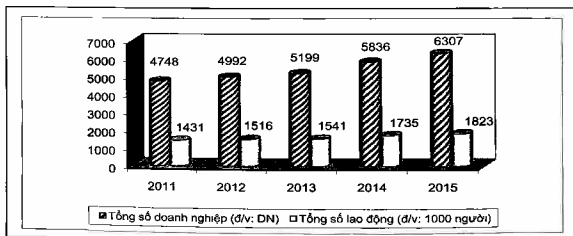


Nguồn: Tác giả tính toán từ số liệu thô của Tổng Điều tra Doanh nghiệp hằng năm và Điều tra Lao động - Việc làm hằng năm, giai đoạn 2011 -2015 của Tổng cục Thống kê

Công nghiệp dệt may cũng là một trong những động lực tăng trưởng chính của nền kinh tế Việt Nam (đứng sau ngành công nghiệp điện tử), tăng trưởng khá về giá trị sản xuất và đứng thứ hai về kim ngạch xuất khẩu (Erwin Schweissel, 2016). Hiện nay, chuỗi giá trị ngành dệt may còn nhiều hạn chế, sự liên kết giữa các mắt xích chưa chặt chẽ khiến giá trị gia tăng còn thấp (Bùi Văn Tốt, 2014). Trong giai đoạn 2011 - 2015, số lượng

doanh nghiệp may mặc lớn và đã tăng 1,4 lần, đạt 6.307 doanh nghiệp ở năm 2015, tuy nhiên, chủ yếu lại là các doanh nghiệp vừa và nhỏ (87%); lao động trong ngành cũng tăng hơn 1,3 lần, đạt 1.823.000 người năm 2015, chiếm 3,4% tổng số việc làm của nền kinh tế. Chất lượng lao động của ngành may mặc rất thấp, mới chỉ có gần 15% lao động của ngành đã qua đào tạo có bằng cấp/chứng chỉ (so với 29% của ngành điện tử và 22% của cả nước).

Đồ thị 2: SỐ LƯỢNG DOANH NGHIỆP CÓ ĐĂNG KÝ SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ SỐ LƯỢNG LAO ĐỘNG TRONG NGÀNH CÔNG NGHIỆP MAY MẶC



Nguồn: Tác giả tính toán từ số liệu thô của Tổng Điều tra Doanh nghiệp hằng năm và Điều tra Lao động - Việc làm hằng năm, giai đoạn 2011 -2015 của Tổng cục Thống kê.

1.2. Ứng dụng và chuyển giao công nghệ trong ngành điện tử và may mặc

Trình độ công nghệ trong ngành điện tử và dệt may còn thấp và đang trong quá trình đổi mới. Về tổng thể, công nghệ và trang thiết bị sản xuất của ngành công nghiệp điện tử còn lạc hậu. So sánh với các nước ASEAN 5, ngành công nghiệp điện tử Việt Nam mới đang ở cuối giai đoạn 1 (lắp ráp sản phẩm từ phụ kiện nhập khẩu), đầu giai đoạn đầu tự sản xuất linh kiện phụ tùng phát triển công nghiệp phụ trợ. Ngành công nghiệp điện tử Việt Nam vẫn được đánh giá là ngành công nghiệp non trẻ. Sự phụ thuộc vào các nhà cung cấp nước ngoài về kỹ thuật là thách thức lớn nhất đối với sự phát triển của công nghiệp điện tử Việt Nam (Lê Thanh Thủy, 2016). Đối với ngành may mặc, công nghệ vẫn đang ở trình độ 2/7 của thế giới, thiết bị máy móc lạc hậu 2 - 3 thế hệ (Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á, 2012). Phần lớn các doanh nghiệp xuất khẩu sản phẩm may mặc của Việt Nam hiện nay

vẫn đang sản xuất theo phương thức gia công đơn giản (82%) (Bùi Văn Tốt, 2014).

Trong những năm qua, ngành may mặc có xu hướng đổi mới công nghệ nhanh hơn so với ngành điện tử. Theo kết quả phỏng vấn các viện nghiên cứu và doanh nghiệp trong lĩnh vực điện tử và dệt may cho thấy, ngành may mặc có tốc độ đổi mới khá nhanh, trong vòng mấy năm trở lại đây, đã đổi mới được khoảng 95% máy móc thiết bị, trong đó có khoảng 40% máy móc chất lượng cao, tự động hóa sản xuất như: máy cắt chỉ tự động, ráp sơ đồ tự động, trải vải tự động. Về trình độ công nghệ của ngành may hiện nay được đánh giá là khá tiên tiến và bắt đầu có thể cạnh tranh được với một số nước trong khu vực. Trong khu đó, công nghệ sử dụng trong ngành điện tử chỉ ở mức trung bình khá, so với các nước trong khu vực thì hơn Lào, Campuchia và Myanmar; với các nước còn lại doanh nghiệp Việt Nam sử dụng công nghệ chậm hơn 2 - 3 thế hệ (20 - 30 năm).

Biểu 1: CƠ CẤU DOANH NGHIỆP ĐƯỢC KHẢO SÁT THEO LĨNH VỰC SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ THỜI GIAN NHẬP KHẨU MÁY MÓC THIẾT BỊ (%)

	Thời gian nhập khẩu máy móc thiết bị			Tổng cộng
	Trước năm 2000	Từ 2001 - 2010	Từ 2011 đến nay	
1. Doanh nghiệp điện tử (N=25)	14.30	38.10	47.60	100.00
- Công nghệ mới nhất (N=3)	0.00	66.70	33.30	100.00
- Hiện đại (N=15)	18.50	29.60	51.90	100.00
- Tương đối hiện đại (N=7)	8.30	50.00	41.70	100.00
2. Doanh nghiệp may mặc (N=20)	18.50	29.60	51.90	100.00
- Công nghệ mới nhất (N=1)	0.00	0.00	100.00	100.00
- Hiện đại (N=17)	21.70	30.40	47.80	100.00
- Tương đối hiện đại (N=2)	0.00	0.00	100.00	100.00

Nguồn: Kết quả khảo sát doanh nghiệp của ILSSA&ILO, tháng 11/2016

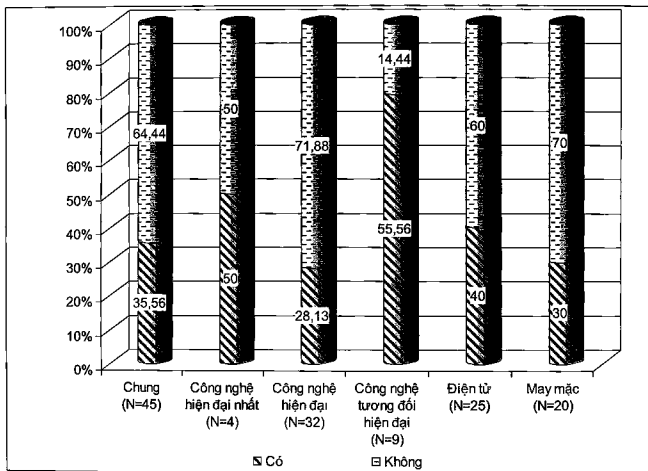
Các doanh nghiệp Việt Nam nói chung, đặc biệt là các doanh nghiệp nội địa còn chậm trong cải tiến và áp dụng công nghệ mới. Khảo sát của ILSSA cho thấy, chỉ có 9% số doanh nghiệp được khảo sát (4/45 doanh nghiệp) cho biết họ đang sử dụng công nghệ mới nhất và hầu hết lại rơi vào các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) trong lĩnh vực điện tử. Đặc biệt, trong số 22 doanh

ng nghiệp có thời gian nhập khẩu công nghệ và máy móc từ năm 2011 trở lại đây, chỉ có 2 doanh nghiệp nhập khẩu công nghệ mới nhất và vẫn còn 5 doanh nghiệp chỉ nhập khẩu công nghệ tương đối hiện đại. Hơn 64% doanh nghiệp nội địa và 35% doanh nghiệp FDI cho biết công nghệ đang sử dụng của họ thấp hơn so với trình độ công nghệ của thế giới.

Nhiều doanh nghiệp FDI cũng còn hạn chế trong ứng dụng và chuyển giao công nghệ mới. Với con số hơn 22% số doanh nghiệp FDI đang sử dụng công nghệ tương đối hiện đại và 42% số doanh nghiệp FDI đang sử dụng công nghệ và máy móc nhập khẩu từ trước năm 2010, thậm chí là trước năm 2000, cho thấy những bất cập trong chiến lược thu hút đầu tư nước ngoài “bằng mọi

giá” của Việt Nam trong thời gian qua. Các doanh nghiệp FDI ở Việt Nam với chiến lược sản xuất công đoạn giá trị gia tăng thấp “tận dụng lao động giá rẻ”, chưa chú trọng công nghệ nguồn, thậm chí còn sử dụng công nghệ sản xuất lạc hậu và chưa thực hiện chuyển giao công nghệ đáng kể cho các doanh nghiệp nội địa.

Hình 1: CƠ CẤU DOANH NGHIỆP ĐƯỢC KHẢO SÁT CHIA THEO THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ (%)



Nguồn: Kết quả khảo sát doanh nghiệp của ILSSA&ILO, tháng 11/2016.

Các doanh nghiệp Việt Nam nói chung, đặc biệt là các doanh nghiệp nội địa cũng chưa quan tâm đến hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ. Theo kết quả khảo sát, chỉ có 35% số doanh nghiệp được khảo sát quan tâm đến hoạt động nghiên cứu và phát triển về công nghệ (50% doanh nghiệp FDI so với 24% doanh nghiệp nội địa). Các doanh nghiệp điện tử quan tâm hơn đến hoạt động này hơn so với các doanh nghiệp may mặc (40% so với 30%).

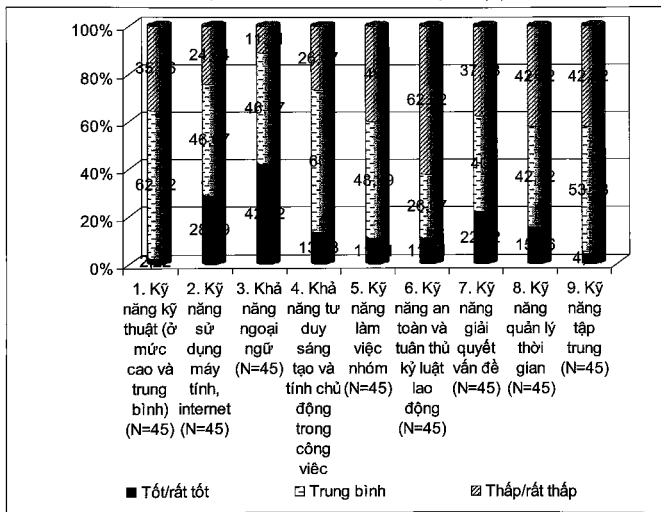
1.3. Tác động của ứng dụng công nghệ mới đến việc làm và kỹ năng lao động trong các doanh nghiệp điện tử và may mặc

Thứ nhất, thay đổi về việc làm và nhu cầu kỹ năng lao động do ứng dụng công nghệ mới đang làm trầm trọng thêm sự thiếu hụt về kỹ năng kỹ thuật và kỹ năng làm việc cốt lõi trong LLLĐ ngành điện tử và may mặc.

Theo kết quả khảo sát cho thấy, những thay đổi và ứng dụng công nghệ mới trong lĩnh vực điện tử và may mặc ở Việt Nam đã và đang kéo theo các yêu cầu về các kỹ năng cụ thể, bao gồm: (i) Kỹ năng kỹ thuật ở mức cao và trung bình, bao gồm những kiến thức và kỹ năng chuyên biệt nhằm thực hiện công việc cụ thể; và (ii) Kỹ năng làm việc cốt

lõi, bao gồm: kỹ năng sử dụng máy tính, internet, khả năng ngoại ngữ, khả năng tư duy sáng tạo và tính chủ động trong công việc, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng an toàn và tuân thủ kỷ luật lao động, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng quản lý, kỹ năng tập trung, v.v...

Hình 2: CƠ CẤU DOANH NGHIỆP ĐƯỢC KHẢO SÁT CHIA THEO Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ CỦA ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP VỀ MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG KỸ NĂNG CỦA LAO ĐỘNG TRONG DOANH NGHIỆP SO VỚI YÊU CẦU CÔNG NGHỆ MỚI (%)



Nguồn: Kết quả khảo sát doanh nghiệp của ILSSA&ILO, tháng 11/2016.

Tuy nhiên, theo kết quả khảo sát, việc đáp ứng các kỹ năng này của người lao động trong các doanh nghiệp điện tử và dệt may chủ yếu mới ở mức trung bình, thậm chí còn ở mức thấp. Về kỹ

năng kỹ thuật, 62% số đại diện doanh nghiệp được khảo sát cho biết lao động của họ mới chỉ đáp ứng yêu cầu ở mức trung bình và 2% đáp ứng ở mức thấp. Đặc biệt, đối với kỹ năng làm việc cốt lõi, 42%

số đại diện doanh nghiệp được khảo sát cho biết lao động của họ mới chỉ đáp ứng yêu cầu ở mức trung bình và 43% đáp ứng ở mức thấp. Tình trạng này ở các doanh nghiệp may mặc trầm trọng hơn so với các doanh nghiệp điện tử. Mức độ đáp ứng của lao động nữ thấp hơn so với lao động nam.

Lao động trong các doanh nghiệp đang phải đối mặt với sự thiếu hụt về kỹ năng kỹ thuật và thiếu hụt trầm trọng hơn đối với kỹ năng làm việc cốt lõi. Hai phần ba số doanh nghiệp được khảo sát (30 doanh nghiệp) cho rằng, phần lớn lao động của họ đang thiếu hụt các kỹ năng lao động liên quan đến chuyên môn kỹ thuật và cả các kỹ năng làm việc cốt lõi khác. Đáng lưu ý, các doanh nghiệp ứng dụng công nghệ mới nhất và hiện đại có mức độ thiếu hụt kỹ năng kỹ thuật thấp hơn so với các

doanh nghiệp ứng dụng công nghệ tương đối hiện đại. Trong khi đó, lao động trong các doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao này lại thiếu hụt nhiều hơn các kỹ năng làm việc cốt lõi như: khả năng tự duy sáng tạo và tính chủ động trong công việc, kỹ năng ngoại ngữ, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng an toàn và tuân thủ kỷ luật lao động. Nguyên nhân chính ở đây là khi chuyển giao và ứng dụng công nghệ mới, các doanh nghiệp này đã có sự chuẩn bị LLLĐ có CMKT phù hợp để tiếp nhận công nghệ mới, nhưng đối với các kỹ năng làm việc cốt lõi (kỹ năng mềm, kỹ năng xã hội) thì lao động Việt Nam rất yếu và thiếu; các kỹ năng này không thể đào tạo ngay một ngày hai mã là nó được hình thành từ trong quá trình học tập và rèn luyện từ khi người lao động còn nhỏ đến khi đi làm.

Biểu 2: CƠ CẤU DOANH NGHIỆP ĐƯỢC KHẢO SÁT CHIA THEO Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ CỦA ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP VỀ MỨC ĐỘ THIẾU HỤT KỸ NĂNG CỦA LAO ĐỘNG TRONG DOANH NGHIỆP DO ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ MỚI (%)

	Chung (N=45)	Mức độ ứng dụng công nghệ			Lĩnh vực sản xuất	
		Công nghệ mới nhất (N=4)	Công nghệ hiện đại (N=32)	Công nghệ tương đối hiện đại (N=9)	Điện tử (N=25)	May mặc (N=20)
1. Không thiếu hụt kỹ năng	33.33	0.00	40.63	22.22	20.00	50.00
2. Thiếu hụt kỹ năng	66.67	100.00	59.38	77.78	80.00	50.00
2.1. Kỹ năng kỹ thuật	37.78	25.00	31.25	44.44	48.00	25.00
2.2. Kỹ năng làm việc cốt lõi	66.67	100.00	59.38	77.78	80.00	50.00
Tổng: (1) + (2)	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00

Nguồn: Kết quả khảo sát doanh nghiệp của ILSSA&ILO, tháng 11/2016.

Để giải quyết những thiếu hụt về kỹ năng, phần lớn các doanh nghiệp có phương án đào tạo lại và đào tạo nâng cao cho người lao động (76% số doanh nghiệp được khảo sát), chủ yếu vẫn là đào tạo tại doanh nghiệp và một số ít doanh nghiệp gửi người lao động đến các cơ sở đào tạo. Đại diện

các doanh nghiệp cho biết, đào tạo tại chỗ trong công việc giúp người lao động đào sâu các kỹ năng kỹ thuật, ứng dụng công nghệ mới và giúp người lao động thích nghi với từng môi trường, vị trí việc cụ thể. Đây là điều mà các cơ sở đào tạo khó có thể đáp ứng.

Thứ hai, việc áp dụng công nghệ mới đã mang đến những thay đổi tích cực trong việc làm và nhu cầu kỹ năng lao động trong doanh nghiệp.

Kết quả khảo sát cho thấy, 100% số doanh nghiệp được khảo sát cho biết do ứng dụng công nghệ mới chuyển dịch việc làm của doanh nghiệp cũng theo hướng tích cực, chuyển dịch từ việc làm giản đơn sang bán kỹ năng và kỹ thuật cao. Trong đó, phần lớn các doanh nghiệp được khảo sát (55,56%) không cắt giảm việc làm mà chỉ bổ trí/thay đổi lại vị trí việc làm khi ứng dụng công nghệ mới. Bên cạnh đó, số còn lại (44,44%) thực hiện cắt giảm việc làm ở các vị trí như việc làm giản đơn hoặc lao động phổ thông, giảm công nhân sản xuất trực tiếp, giảm những lao động không đáp ứng công việc, bao gồm cả lao động đã qua đào

tạo. Các doanh nghiệp điện tử cắt giảm việc làm nhiều hơn các doanh nghiệp may mặc. Các doanh nghiệp điện tử thường cắt giảm việc làm giản đơn, lao động phổ thông, trong khi các doanh nghiệp may mặc lại thiên về cắt giảm những lao động không đáp ứng cho dù là lao động phổ thông hay lao động kỹ thuật.

Về vận hành công nghệ mới và bảo trì, bảo dưỡng máy móc, chủ yếu do lao động Việt Nam đảm nhận, chỉ có gần 23% đại diện doanh nghiệp được khảo sát (10 doanh nghiệp) cho biết là cả người nước ngoài và người Việt Nam cùng đảm nhận và cá biệt có 1 doanh nghiệp FDI trong lĩnh vực điện tử cho biết chỉ có người nước ngoài vận hành công nghệ mới trong doanh nghiệp của họ.

Biểu 3: CƠ CẤU DOANH NGHIỆP ĐƯỢC KHẢO SÁT CHIA THEO PHƯƠNG ÁN THAY ĐỔI VIỆC LÀM VÀ KỸ NĂNG LAO ĐỘNG TRONG DOANH NGHIỆP DO ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ MỚI (%)

	Mức độ ứng dụng công nghệ				Lĩnh vực sản xuất	
	Chung (N=45)	Công nghệ mới nhất (N=4)	Công nghệ hiện đại (N=32)	Công nghệ tương đối hiện đại (N=9)	Điện tử (N=25)	May mặc (N=20)
1. Không cắt giảm việc làm, chỉ thay đổi vị trí công việc	55.56	75.00	59.38	33.33	48.00	65.00
2. Cắt giảm lao động và sắp xếp lại vị trí việc làm	44.44	25.00	40.63	66.67	52.00	35.00
2.1. Cắt giảm những việc làm giản đơn, LĐPT	26.67	25.00	21.88	44.44	40.00	10.00
2.2. Giảm những công nhân sản xuất trực tiếp	11.11	0.00	12.50	11.11	12.00	10.00
3.3. Cắt giảm những lao động không đáp ứng	6.67	0.00	6.25	11.11	0.00	15.00
Tổng cộng: (1)+(2)	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00

Nguồn: Kết quả khảo sát doanh nghiệp của ILSSA&ILO, tháng 11/2016.

Thứ ba, các doanh nghiệp gặp khó khăn trong tuyển dụng lao động kỹ thuật.

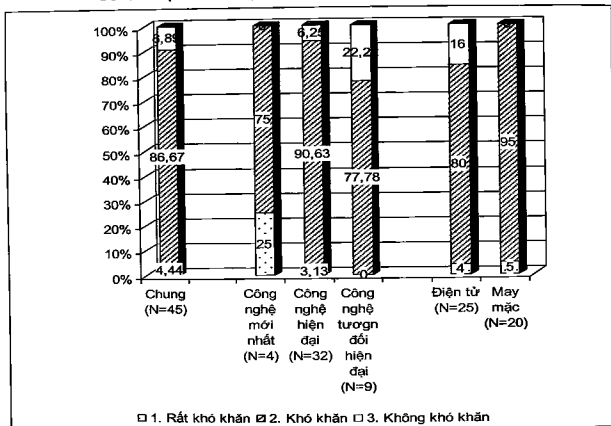
Trong tuyển dụng lao động kỹ thuật, phần lớn các doanh nghiệp chưa tiếp cận đến các kênh tuyển dụng lao động chính thức. Theo kết quả khảo sát

cho thấy, phần lớn các doanh nghiệp (80%) vẫn chưa tiếp cận đến các kênh tuyển dụng chính thức (cơ sở đào tạo hay thông qua trung tâm dịch vụ việc làm), chủ yếu vẫn là qua giới thiệu cá nhân và quảng cáo trên các phương tiện thông tin đại chúng

và qua thông báo tuyển dụng dán bên ngoài doanh nghiệp với lý do tiết kiệm thời gian, tiền bạc và tuyển được người sát với nhu cầu hơn. Tuy nhiên, các doanh nghiệp ứng dụng công nghệ mới nhất có xu hướng tuyển dụng lao động kỹ thuật thông qua trung tâm/doanh nghiệp giới thiệu việc làm, thông

qua các cơ sở đào tạo nhiều hơn so với các doanh nghiệp ứng dụng công nghệ hiện đại và công nghệ tương đối hiện đại, do họ yêu cầu cao về chất lượng và số lượng lao động kỹ thuật mà chỉ có các dịch vụ việc làm hay cơ sở đào tạo mới có thể đáp ứng được.

Hình 3: CƠ CẤU DOANH NGHIỆP ĐƯỢC KHẢO SÁT CHIA THEO MỨC ĐỘ KHÓ KHĂN TRONG TUYỂN DỤNG LAO ĐỘNG KỸ THUẬT CỦA DOANH NGHIỆP



Nguồn: Kết quả khảo sát doanh nghiệp của ILSSA&ILO, tháng 11/2016.

Hầu hết các doanh nghiệp gặp khó khăn trong tuyển dụng lao động có kỹ thuật (91,11%). Lý do khó khăn trong tuyển dụng lao động kỹ thuật phổ biến nhất là trên địa bàn không có đủ lao động kỹ thuật (47,62%); tiếp đến là lao động có kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp về kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng làm việc khác (38,1%) hay do mức lương doanh nghiệp trả chưa đáp ứng yêu cầu của lao động (10%). Trái lại, một số ít doanh nghiệp cho biết họ không hề gặp khó khăn trong tuyển dụng lao động kỹ thuật do có sự phối hợp chặt chẽ với các cơ sở đào tạo.

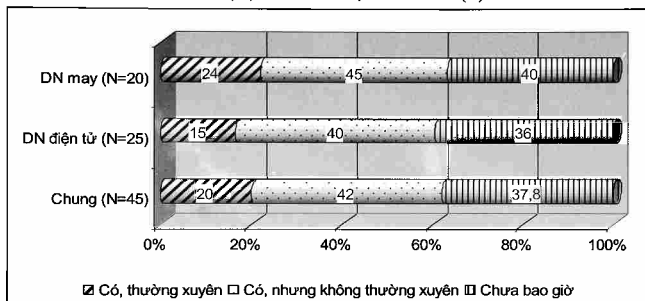
Thứ tư, khả năng đáp ứng của hệ thống đào tạo rất hạn chế.

Trong khi các cơ sở đào tạo sử dụng tất cả các phương thức có thể để hợp tác với doanh nghiệp và nhận định đây là yếu tố tiên quyết để có thể nâng cao hiệu quả và chất lượng đào tạo, các doanh nghiệp lại chưa sẵn sàng hợp tác với cơ sở dạy nghề. Theo kết quả khảo sát doanh nghiệp, gần 40% số doanh nghiệp không có sự hợp tác với các cơ sở đào tạo và 22% có hợp tác nhưng không thường xuyên, chỉ có

20% số doanh nghiệp có hợp tác thường xuyên với các cơ sở đào tạo. Tuy nhiên, phần lớn các doanh nghiệp có hợp tác thường xuyên thì lại cũng chỉ hợp tác chủ yếu trong hỗ trợ và tiếp nhận học viên thực tập, còn các hình thức khác như cùng xây dựng chương trình đào tạo hay gửi lao động đến cơ sở đào tạo rất hạn chế. Doanh nghiệp không đánh

giá cao hiệu quả mối quan hệ này. Về nguyên nhân, nhiều doanh nghiệp cho biết họ không thường xuyên có nhu cầu tuyển lao động qua đào tạo, mặt khác kỹ năng nghề mà các cơ sở đào tạo cũng chưa đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp; một số ít doanh nghiệp thì không muốn hợp tác vì vấn đề bí mật công nghệ.

Hình 4: CƠ CẤU DOANH NGHIỆP PHÂN THEO MỨC ĐỘ HỢP TÁC VỚI CƠ SỞ ĐÀO TẠO, THEO LĨNH VỰC SẢN XUẤT (%)



Nguồn: Kết quả khảo sát doanh nghiệp của ILSSA&ILO, tháng 11/2016.

Các cơ sở đào tạo còn gặp nhiều khó khăn trong đào tạo đáp ứng yêu cầu chuyển giao công nghệ mới. Năng lực để tiếp thu công nghệ mới của học viên được đánh giá ở mức độ trung bình do trình độ đầu vào hạn chế. Ngoại ngữ chưa tốt là một trong những điểm yếu lớn nhất của các giáo viên dạy nghề trong việc tiếp cận công nghệ mới, cụ thể là đào tạo nghề điện tử theo tiêu chuẩn quốc tế. Đào tạo các kỹ năng mềm còn thiếu hụt do nhà trường vẫn còn bị phụ thuộc vào chương trình khung, nội dung chương trình chậm được đổi mới. Hoạt động nghiên cứu và triển khai (R&D) có được triển khai nhưng ở mức độ thấp, chủ yếu nghiên cứu, thiết kế các thiết bị phục vụ đào tạo và tham gia các hội thi về sáng tạo thiết bị dạy học, thi sáng tạo Robot con...

2. Xu hướng chuyển đổi công nghệ và nhu cầu kỹ năng lao động trong thời gian tới

Trong thời gian tới, yêu cầu về chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế theo chiều sâu và tăng cường hội nhập sẽ tạo nên "sức ép" chuyển giao và ứng dụng công nghệ nhanh và mạnh mẽ hơn trong các ngành công nghiệp chủ chốt của Việt Nam, trong đó có dệt may và may mặc. Theo kết quả khảo sát, công nghệ trong cả hai ngành dệt may và may mặc sẽ tiếp tục chuyển đổi nhanh theo hướng tự động hóa để tăng năng suất lao động, tăng độ chính xác, giảm sức lao động. Việt Nam cũng sẽ từng bước tiếp cận đến các công nghệ đột phá của thế giới, đó là công nghệ rô bốt tự động, in 3D, internet hóa (Internet of Things), cảm biến điện tử trong ngành điện tử; công nghệ máy

quét, máy tính hỗ trợ thiết kế; công nghệ máy cắt tự động; công nghệ rô bốt may và tự động; công nghệ nano,... trong ngành may mặc; công nghệ 3D

thiết kế mẫu sẽ được sử dụng phổ biến hơn và tự động hóa nhiều hơn trong các công đoạn: trải vải, cắt, giác mẫu, may và đóng gói sản phẩm,...

Biểu 4: CƠ CẤU DOANH NGHIỆP PHÂN THEO NHẬN ĐỊNH CỦA ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP VỀ THÁCH THỨC KHI ÁP DỤNG CÔNG NGHỆ MỚI VÀO SẢN XUẤT, THEO LĨNH VỰC SẢN XUẤT VÀ LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP (%)

	Lĩnh vực sản xuất		Loại hình DN		Tổng (N=45)
	Điện tử (N=25)	May mặc (N=20)	DN nội địa (N=27)	DN FDI (N=18)	
1. Chi phí tổn kém	28.00	30.00	29.63	27.78	28.89
2. Khó tuyển lao động	0.00	5.00	3.70	0.00	2.22
3. Trình độ CMKT chưa đáp	44.00	35.00	33.33	50.00	40.00
4. Không có ý kiến, chưa rõ	16.00	25.00	22.22	16.67	20.00
5. Cạnh tranh	12.00	5.00	11.11	5.56	8.89
Tổng cộng	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00

Nguồn: Kết quả khảo sát doanh nghiệp của ILSSA&ILO, tháng 11/2016.

Để chuyển giao và ứng dụng các công nghệ mới, các doanh nghiệp được khảo sát cho rằng, thách thức lớn nhất là sự thiếu hụt kỹ năng lao động trong LLLĐ của Việt Nam (91%), tiếp theo là thách thức về tài chính do đầu tư công nghệ mới sẽ

rất tốn kém (85%). Hầu hết các doanh nghiệp FDI trong lĩnh vực điện tử và may mặc đều cho rằng, sự thiếu hụt lao động có kỹ năng, đặc biệt là các kỹ năng làm việc cốt lõi là một rào cản lớn cho kế hoạch ứng dụng công nghệ mới của họ.

Biểu 5: CƠ CẤU DOANH NGHIỆP PHÂN THEO CÁC PHƯƠNG ÁN DỰ BÁO CỦA DOANH NGHIỆP VỀ NHU CẦU VỀ KỸ NĂNG/LAO ĐỘNG KỸ THUẬT ĐỂ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU SỬ DỤNG CÔNG NGHỆ MỚI, THEO LĨNH VỰC SẢN XUẤT VÀ LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP (%)

	Lĩnh vực SXKD		Loại hình DN		Tổng (N=45)
	Điện tử (N=25)	May mặc (N=20)	DN nội địa (N=27)	DN FDI (N=18)	
1. Tăng lao động kỹ thuật vận hành MMTB	12,00	20,00	18,50	11,20	15,6
2. Lao động trình độ cao (yêu cầu kết hợp thành thực giữa kỹ năng kỹ thuật và kỹ năng cốt lõi)	48,00	25,00	33,30	44,40	37,8
3. Chưa có phương án, không xác định	40,00	55,00	48,20	44,40	46,6
Tổng cộng	100,00	100,00	100,00	100,00	100,0

Nguồn: Kết quả khảo sát doanh nghiệp của ILSSA&ILO, tháng 11/2016.

Theo các nhà quản lý doanh nghiệp, những thay đổi về ứng dụng công nghệ mới tiếp tục đặt ra yêu cầu cao về sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa kỹ năng kỹ thuật và kỹ năng làm việc cốt lõi. Trong thời gian tới (ngắn hạn), nhu cầu của doanh nghiệp về các loại lao động nhân kỹ năng và kỹ thuật cao sẽ tăng nhanh. Trong đó, các doanh nghiệp điện tử có nhu cầu cao về lao động có kỹ năng vận hành các thiết bị tự động hóa, kỹ thuật viên về thiết kế điện tử, lập trình, kỹ năng sử dụng công nghệ đóng gói bề mặt và lao động có trình độ kỹ thuật cao khác. Trong khi đó, các doanh nghiệp may mặc có nhu cầu cao về các vị trí lập trình/thiết kế thời trang, thiết kế kỹ thuật may và vận hành máy cắt lazer, kỹ thuật kiểm tra chất lượng sản phẩm (áp dụng công nghệ Wash, công nghệ kiểm tra chất lượng sản phẩm ở công đoạn hoàn thành), marketing tiếp thị,...

Nhu cầu về lao động phi kỹ năng hay kỹ năng thấp sẽ ngày càng ít đi do công nghệ tự động hóa sẽ trở nên hiệu quả và phổ biến hơn trong cả hai ngành điện tử và may mặc. Do đó, những lao động này sẽ phải chịu rủi ro cao do bị thay thế và mất việc làm.

Phần lớn các doanh nghiệp (87% số doanh nghiệp được khảo sát) chưa có định hướng hay sự chuẩn bị để thích ứng với sự chuyển giao công nghệ trong dài hạn, đặc biệt là các doanh nghiệp nội địa trong cả hai lĩnh vực may mặc và điện tử.

3. Một số hàm ý chính sách

Thứ nhất, thúc đẩy chuyển giao và ứng dụng công nghệ mới trong nền kinh tế Việt Nam: Đây mạnh quá trình tái cấu trúc nền kinh tế, chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, tận dụng cơ hội để đón đầu các trào lưu công nghệ mới; tăng cường vai trò chuyển giao công nghệ và đào tạo lao động kỹ thuật của doanh nghiệp FDI, tác động lan tỏa đến các doanh nghiệp nội địa; có chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp tiếp cận nhanh quá trình chuyển giao công nghệ mới từ các nước phát triển để rút ngắn khoảng cách công nghệ, đảm

bảo cho phát triển sản xuất các loại sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao.

Thứ hai, tăng cường công tác nghiên cứu và phát triển trong các doanh nghiệp và các cơ sở đào tạo: Khuyến khích công tác nghiên cứu và triển khai trong các doanh nghiệp và các cơ sở đào tạo, cũng như thường xuyên nghiên cứu, đánh giá kịp thời các tác động của ứng dụng công nghệ mới đến việc làm và kỹ năng lao động.

Thứ ba, đào tạo nguồn nhân lực (NNL) kỹ thuật cao phù hợp với xu thế chuyển giao và ứng dụng công nghệ mới của ngành công nghiệp điện tử và may mặc: Đối với ngành điện tử, cần trang bị cho lao động các kỹ năng kỹ thuật cần thiết để làm các linh phụ kiện có giá trị gia tăng cao. Xây dựng một NNL có khả năng thiết kế và thực hiện quy trình công nghệ, kỹ năng vận hành các thiết bị tự động hóa, kỹ thuật viên về thiết kế điện tử, lập trình, kỹ năng sử dụng công nghệ đóng gói bề mặt...; đối với ngành may, cần xây dựng chiến lược đào tạo bài bản NNL may mặc chất lượng cao và đội ngũ thiết kế có khả năng cạnh tranh với các quốc gia khác. Trang bị các kỹ năng kỹ thuật cần thiết liên quan đến các vị trí lập trình/thiết kế thời trang, thiết kế kỹ thuật may và vận hành máy cắt lazer, kỹ thuật kiểm tra chất lượng sản phẩm, Marketing tiếp thị,...

Thứ tư, phát triển một hệ thống giáo dục, đào tạo năng động và linh hoạt để khắc phục những thiếu hụt về kỹ năng, để điều chỉnh thích nghi nhanh chóng với nhu cầu về kỹ năng lao động cao hơn do tiến bộ của khoa học và công nghệ: Trong đó, đặc biệt chú trọng tăng cường hợp tác giữa các nhà hoạch định chính sách, chủ sử dụng lao động, các thể chế đào tạo để hiện đại hóa hệ thống phát triển kỹ năng nhằm đáp ứng tốt hơn sự thay đổi của LLLĐ năng động và đổi mới công nghệ. Quan trọng hơn nữa, cần tăng cường sự kết nối giữa người sử dụng lao động với sinh viên, các trường đại học và các trường dạy nghề, đây là yếu tố quan trọng, sống còn cho việc đào tạo NNL chất lượng

cao; tăng quyền tự chủ thực tế của các cơ sở giáo dục, tập trung vào kết quả đầu ra đáp ứng yêu cầu thị trường lao động; chú trọng đào tạo cho học sinh/sinh viên các kỹ năng làm việc cốt lõi như tư duy phân biện và kỹ năng giao tiếp, biết giải quyết vấn đề, làm việc nhóm,... Các kỹ năng này cần được đào tạo và hình thành ngay từ giáo dục phổ thông và tiếp tục được phát triển cho đến giáo dục nghề nghiệp hay giáo dục chuyên nghiệp....

Thứ năm, tăng cường thiết chế thị trường lao động: Phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động. Trong đó, tăng cường công tác dự báo nhu cầu việc làm mới và yêu cầu về các kỹ năng tương ứng do thay đổi công nghệ trong lĩnh vực may mặc và điện tử trong trung hạn và dài hạn. Bên cạnh đó,

cần có cơ chế yêu cầu doanh nghiệp cung cấp cũng như khuyến khích chia sẻ thông tin về nhu cầu tuyển dụng, xu hướng thay đổi công nghệ, nhu cầu kỹ năng, chuyển đổi việc làm...; tăng cường kết nối cung - cầu về lao động kỹ thuật cao trong lĩnh vực may mặc và điện tử. Đặc biệt, hỗ trợ các doanh nghiệp tiếp cận hiệu quả đến các trung tâm dịch vụ việc làm và các cơ sở đào tạo trong quá trình chuẩn bị NNL và tuyển dụng lao động kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của chuyển giao và ứng dụng công nghệ mới.

Cuối cùng, đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức đối với các doanh nghiệp, người lao động và các đối tác khác trong xã hội về tác động của chuyển giao và ứng dụng công nghệ mới lên thị trường lao động và các vấn đề xã hội.

Tài liệu tham khảo

1. Bùi Văn Tốt (2014). *Báo cáo "Ngành Dệt may Việt Nam: cơ hội bất phá"*, 4/2014. <http://investvietnam.gov.vn/>.
2. Erwin Schweissheim (2016). *Ngành dệt may và da giày Việt Nam trong bối cảnh TPP*. <http://nghiencuuquocte.org>
3. Lưu Hoàng Long (2016). *Công nghiệp điện tử có tận dụng được các FTA?* <http://baodauthau.vn/>.
4. Lê Thanh Thùy (2016). Cơ hội và thách thức của ngành Công nghiệp điện tử. Việt Nam trong hội nhập. *Tạp chí Tài chính* kỳ 2 tháng 3/2016.
5. Tổng cục Thống kê (2011-2015). *Số liệu Điều tra Lao động - Việc làm hằng năm, giai đoạn 2011 -2015*.
6. Viện Khoa học Lao động và Xã hội và Tổ chức Lao động quốc tế (2016). *Kết quả khảo sát các doanh nghiệp điện tử và may mặc*, tháng 11/2016.
7. Nguyễn Thị Thu Hương (2012). *Bài học kinh nghiệm từ Trung Quốc cho ngành dệt may Việt Nam khi ra nhập WTO*, <http://www.inas.gov.vn>.

Thông tin tác giả:

Trịnh Thu Nga, Th.S.

- Đơn vị công tác: Viện Khoa học, Lao động và Xã hội
- Địa chỉ email: trinhthunga8@gmail.com

Ngày nhận bài: 21/4/2017

Ngày nhận bản sửa: 30/6/2017

Ngày duyệt đăng: 15/7/2017